

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Thanh Không**

2/ Bà **Phạm Ngọc Nhung**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh **Nguyễn Chí T**, sinh năm: 1995

ĐKTT và nơi cư trú: số B, QL56, tổ A, ấp T, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: chị **Trương Yến N**, sinh năm: 2000

ĐKTT và nơi cư trú: ấp E, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng: Ông **Trương Văn N1**, sinh năm 1972

ĐKTT và nơi cư trú: ấp E, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Anh **T** vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị **N**, ông **N1** vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh **Nguyễn Chí T** trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, anh [Nguyễn Chí T](#) và chị [Trương Yến N](#) tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai](#) vào ngày 10/6/2020. Đây là hôn nhân lần đầu của anh chị. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày nên chị [N](#) đã một mình về nhà ba mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân đã lâu, không thể hòa giải đoàn tụ, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị [Trương Yến N](#).

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: anh [T](#) trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị [Trương Yến N](#) đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

- Theo lời khai của người làm chứng ông [Trương Văn N1](#) trình bày:

Ông là ba ruột của chị [Trương Yến N](#). Sau khi vợ chồng chị [N](#), anh [T](#) kết hôn được vài tháng thì chị [N](#) một mình trở về sống cùng gia đình ông cho đến nay. Ông nghe chị [N](#) nói do vợ chồng không hợp nên thường cãi nhau, không thể sống chung được nữa.

- Đại diện Viện kiểm sát [huyện C, tỉnh Đồng Nai](#) phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn chưa chấp hành đầy đủ và vắng mặt không có lý do, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết: áp dụng các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh [Nguyễn Chí T](#) ly hôn chị [Trương Yến N](#); về con chung: không có; về tài sản chung và nợ chung: anh [T](#) khai không có, không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh [Nguyễn Chí T](#) có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị [Trương Yến N](#). Chị [N](#) có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại [ấp E, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai](#). Nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng

dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Chí T và chị Trương Yên N tự nguyện chung sống và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai vào ngày 10/6/2020 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ:

Theo trình bày của nguyên đơn và tại Biên bản xác minh ngày 15/5/2023 tại Công an xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai và cùng lời khai của ông Trương Văn N1 là ba ruột chị N xác định, anh T và chị N kết hôn với nhau từ năm 2020. Quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày nên chị N đã một mình về nhà ba mẹ ruột sinh sống từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay. Chị Trương Yên N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, hòa giải, xét xử, nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày, chứng tỏ chị N không muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N không có lời khai về việc này, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh [Nguyễn Chí T.](#)

1. Về quan hệ hôn nhân: anh [Nguyễn Chí T](#) được ly hôn chị [Trương Yến N.](#)

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: anh [Nguyễn Chí T](#) phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh [T](#) đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 0001808 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Anh [T](#) đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Hàng Gòn, tp. Long Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thùy Trang